

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày: 10-06-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự-
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên.

Ông Đỗ Trọng Ngoan

Thư ký phiên tòa: Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Phú Hữu-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 05 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: HN TPCP XNK VN, có trụ sở tại địa chỉ: tầng 8 – Vincom Center – số 72 đường LTT, số 45A đường LTT, phường BN, Q1, thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Phùng Hoàng H– Trưởng phòng Khách hàng cá nhân HN TPCP XNK VN-Chi nhánh An Giang. Theo giấy ủy quyền số 10/2019/EIBAG/UQ ngày 01/11/2019 của Giám đốc HN TPCP XNK VN – Chi nhánh An Giang.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số 46 đường HBT, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đinh Gia H1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 1162/37 đ 3/2 phường 12, Q11, thành phố HCM.

Địa chỉ liên hệ: 31 CVL, phường MB, thành phố LX, tỉnh AG. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Phùng Hoàng H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 20 tháng 04 năm 2012 HN TPCP XNK VN - Chi nhánh AG ký giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế cho ông Đinh Gia H1 với hạn mức sử dụng thẻ là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) mục đích sử dụng thẻ là tiêu dùng. Căn cứ giấy đề nghị gia hạn thẻ ngày 11 tháng 04 năm 2013 và căn cứ giấy đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng, hạn mức tiền mặt ngày 10/04/2014 nâng hạn mức thẻ từ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) lên 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) chi tiết cụ thể như sau:

+ Số thẻ:	4041523485836856.
+ Tài khoản thẻ:	150224849001546.
+ Hạn mức thẻ:	100.000.000 đồng.
+ Loại thẻ:	Visa vàng
+ Thời hạn:	Đến tháng 04/2016.
+ Hình thức đảm bảo:	Tín chấp.
+ Mục đích sử dụng thẻ:	Tiêu dùng.
+ Lãi suất thẻ :	1,7%/tháng (20,4%/năm).
+ Phí trễ hạn:	3%/số tiền thanh toán tối thiểu.
+ Sao kê hàng tháng:	Ngày 23 hàng tháng.

Tuy nhiên, kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2015, ông Đinh Gia H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với ngân hàng. Vì vậy, HN TPCP XNK VN – Chi nhánh AG đã chuyển toàn bộ số tiền nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng đã mời ông Đinh Gia H1 đến ngân hàng làm việc để giải quyết việc quá hạn nợ gốc nhưng đến nay ông H1 vẫn chưa thanh toán nợ vay cho ngân hàng. Tính đến ngày 12 tháng 10 năm 2016, tổng số tiền ông H1 cần thanh toán cho ngân hàng như sau :

- Số tiền vay:	99.740.606đ
- Lãi phát sinh:	42.111.305đ
Tổng cộng:	141.851.911đ

Nay HN TPCP XNK VN yêu cầu ông Đinh Gia H1 phải toàn bộ số tiền gốc, lãi hiện vẫn còn nợ của các hợp đồng tín dụng với số tiền 267.642.280đ. Ngoài ra ông H1 còn phải lãi suất

phát sinh theo lãi suất thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Đinh Gia H1 vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày, không có yêu cầu phản tố đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền giá trị giao dịch thẻ là 267.642.280đ, yêu cầu tính tiền lãi theo thỏa thuận đến ngày ông H1 thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Phát biểu ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên.

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự hợp đồng vay tài. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định căn cứ vào giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 20/04/2012 được ông H1 ký kết với Ngân hàng, ngày 10/04/2014 nâng hạn mức thẻ từ 50.000.000đ lên 100.000.000đ. Sau khi được giải ngân ông H1 đã thực hiện nhiều giao dịch thanh toán thẻ tín dụng. Đến ngày 08/12/2015 ông H1 còn nợ Ngân hàng số tiền 99.740.606đ và ngưng thanh toán cho đến nay do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1 pHthanh toán số tiền còn nợ lại là 267.642.280đ, trong đó tiền vốn 99.740.606đ, tiền lãi trong hạn 112.058.571đ, tiền lãi quá hạn 55.843.103đ (tạm tính đến ngày 10/06/2020); yêu cầu tiếp tục chụi khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất của hợp đồng ký kết ngày 20/04/2012 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ là có căn cứ và phù hợp quy định tại các điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005 và điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đinh Gia H1 không đến Tòa và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H1.

[2] Ngân hàng ủy quyền cho ông Huỳnh Phùng Hoàng H theo giấy ủy quyền số 10/2019/EIBAG/UA ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Giám đốc HN TPCP XNK VN – Chi

nhánh An Giang. Việc ủy quyền phù hợp quy định tại điều 581 và điều 582 Bộ Luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

[3] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của HN TPCP XNK VN - Do HN TPCP XNK VN - Chi nhánh AG, tranh chấp về số tiền theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Xét, tranh chấp giữa các bên phát sinh trong hoạt động vay tiêu dùng. Bị đơn có nơi cư trú tại số 31 CVL, phường MB, thành phố LX, tỉnh AG đã được thể hiện theo hợp đồng giao kết. Hiện nay, ông H1 đã bỏ nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho người khởi kiện biết. Điều này xác định là ông H1 cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xét xử vắng mặt ông H1 và vụ án thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh AG được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự 2005 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 20 tháng 04 năm 2012 của ông Đình Gia H1, kèm theo bản thỏa thuận sử dụng thẻ quốc tế của HN TPCP XNK VN và giấy đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng/hạn mức tiền mặt ngày 10 tháng 04 năm 2014 thấy: Ông Đình Gia H1 là người ký tên, ghi rõ họ tên vay với tư cách là chủ thẻ chính bên vay tiền của HN TPCP XNK VN - Chi nhánh AG. Số tiền ông H1 được Ngân hàng phê duyệt hạn mức tín dụng là 50 triệu đồng. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2014 ông H1 tiếp tục đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng/hạn mức tiền mặt. Trong đó, đề nghị Ngân hàng đổi hạn mức tín dụng 100 triệu đồng, hạn mức ban đầu 50 triệu đồng. Ngày 11 tháng 04 năm 2013 ông H1 ký đơn đề nghị gia hạn thẻ tín dụng, gia hạn thẻ đến tháng 4 năm 2016. Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 121, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2005 và phù hợp Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Căn cứ theo thỏa thuận của các bên ông H1 đã ký tên ghi rõ họ tên cam kết trong giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, đồng ý sử dụng thẻ sẽ tuân thủ Bản thỏa thuận sử dụng các sản phẩm thẻ quốc tế. Ông H1 đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 100 triệu, đã sử dụng số tiền vốn 99.740.606 đồng nhưng ông H1 không trả tiền vốn, lãi theo thỏa thuận là vi phạm thỏa thuận theo giấy đề nghị giao kết của bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với ông H1. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H1 trả nợ vốn 99.740.606đ là có căn cứ.

[6] Về tiền lãi căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tại phiên tòa ngân hàng chỉ yêu cầu ông H1 trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn với mức lãi suất tại thời điểm hiện nay là 14,10%/năm/số tiền nợ vốn và có điều chỉnh về mức lãi suất thẻ (phí tài chính) theo

hướng có lợi cho ông H1 đối với số tiền vốn 99.740.606đ được điều chỉnh về tiền lãi trong hạn là 112.058.571đ, tiền lãi nợ quá hạn 55.843.103đ. Theo sự thỏa thuận giữa các bên thể hiện trong quá trình ký kết hợp đồng về mức lãi suất, thời hạn trả tiền lãi nhưng đến nay ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ lãi là vi phạm theo hợp đồng. Vậy, tổng đến ngày xét xử, tiền lãi trong hạn, quá hạn ông H1 còn phải trả là 167.901.674đ (tạm tính) là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn ông H1 phải nộp tiền án phí sơ thẩm. Ngân hàng không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a, khoản 2 điều 6 nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP. Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HN TPCP XNK VN đối với ông Đinh Gia H1.

Buộc ông Đinh Gia H1 trả cho HN TPCP XNK VN - Do HN TPCP XNK VN - Chi nhánh AG đại diện nhận số tiền 267.642.280đ (hai trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi đồng). Trong đó, tiền vốn 99.740.606đ (chín mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn, sáu trăm lẻ sáu đồng), tiền lãi trong hạn 112.058.571đ (một trăm mười hai triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm bảy mươi một đồng), tiền lãi quá hạn 55.843.103đ (năm mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi ba ngàn, một trăm lẻ ba đồng).

Tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 20 tháng 04 năm 2012 giữa ông Đinh Gia H1 và HN TPCP XNK VN cho đến khi ông H1 thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho HN TPCP XNK VN - Do HN TPCP XNK VN - Chi nhánh AG số tiền 2.909.960 đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003448 ngày 13/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Q11, thành phố HCM.

Ông Đinh Gia H1 phải chịu số tiền 13.382.114đ (mười ba triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, một trăm mười bốn đồng).

HN TPCP XNK VN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đinh Gia H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương